CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP The Golden Group

Ngày 31/12/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.1| 25.4%
YoY: ▲ 46.8| 61.6%

LN thuần
Q4/25
-2.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.19| 7.4%
YoY: ▲ 0.25| 9.5%

LN sau thuế
Q4/25
-2.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.21| 7.2%
YoY: ▲ 0.14| 4.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-0.9%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2025
-4.4%
YoY: +/-▲ 2.1%

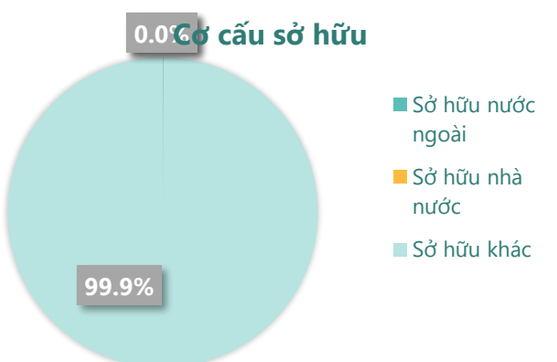
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 2,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	63
Số lượng CPLH (CP)	27,299,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	-
EPS	-282
P/E	-8.2

DT thuần
2025
429
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.0| -11.3%

LN thuần
2025
-11.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.70| 5.8%

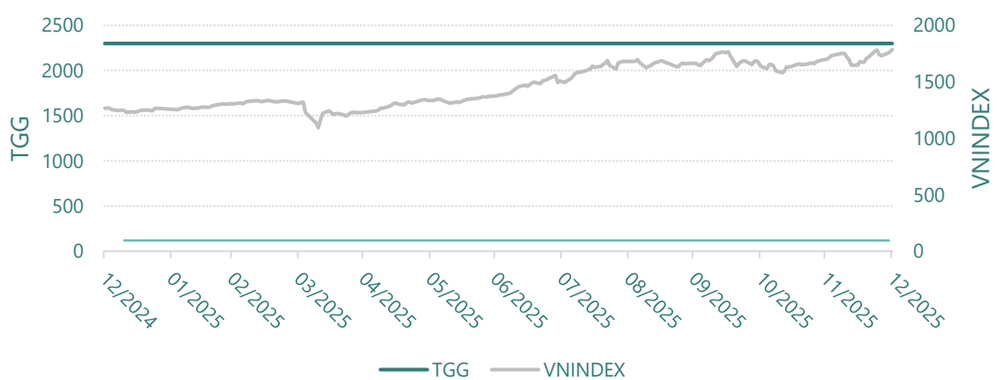
LN sau thuế
2025
-10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.80| 27.6%

Cơ cấu sở hữu

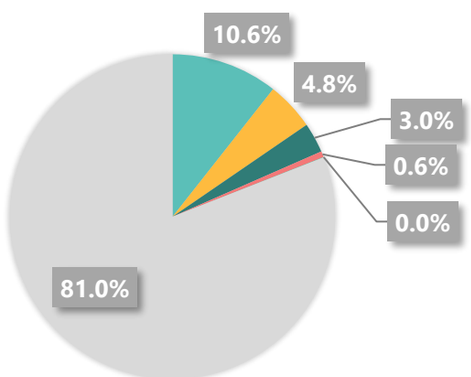


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

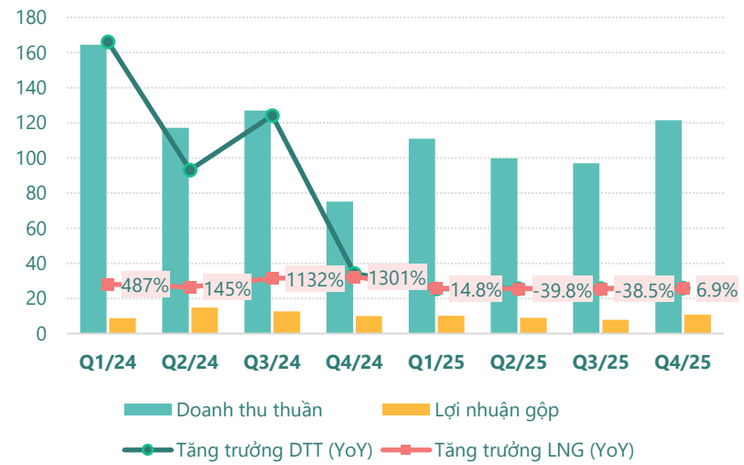


- Ngô Quang Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Mạnh Hùng
- Trương Thị Thanh Trà
- Cao Việt Bách
- Đặng Quang Trung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

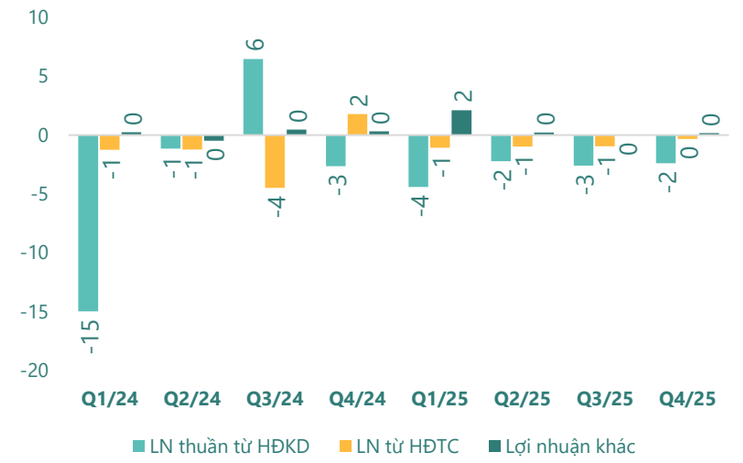
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



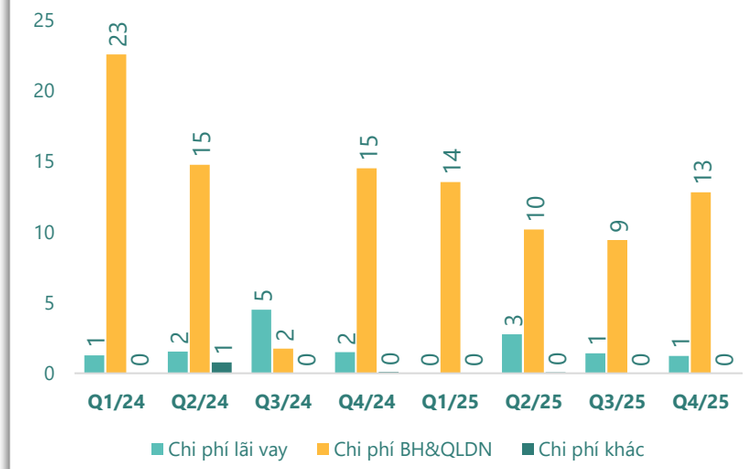
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



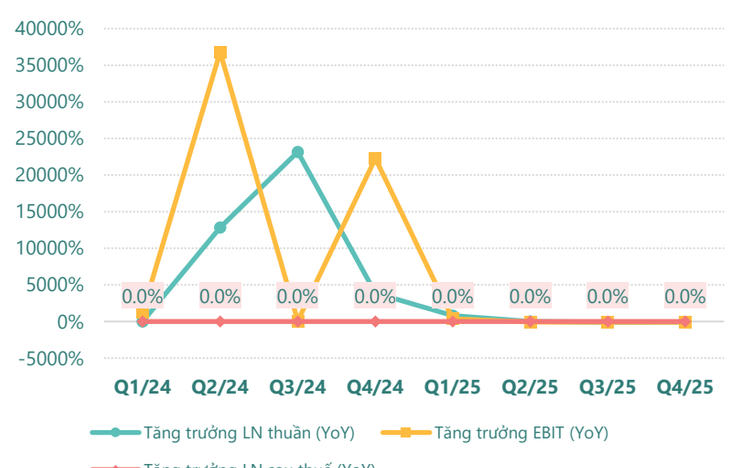
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



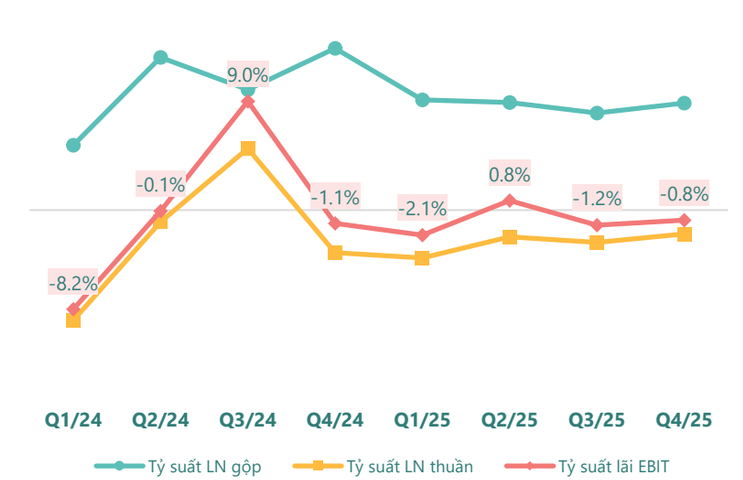
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



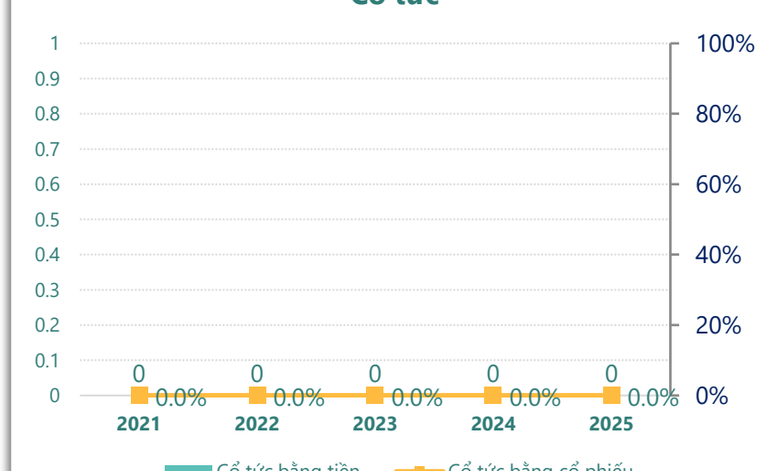
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

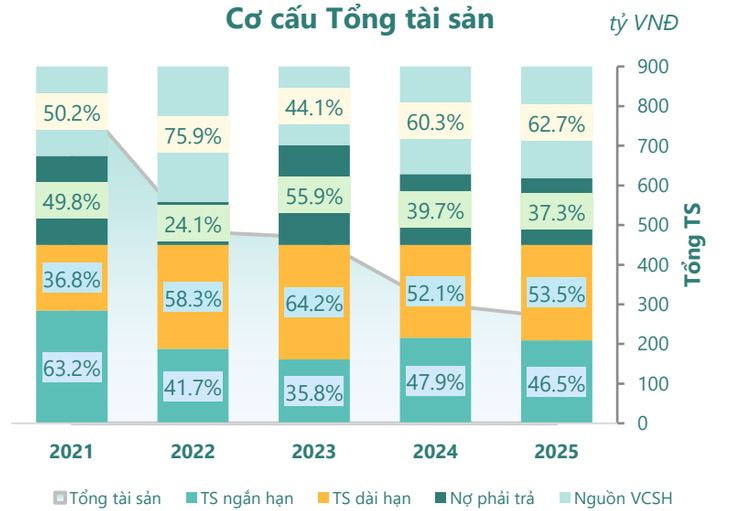
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

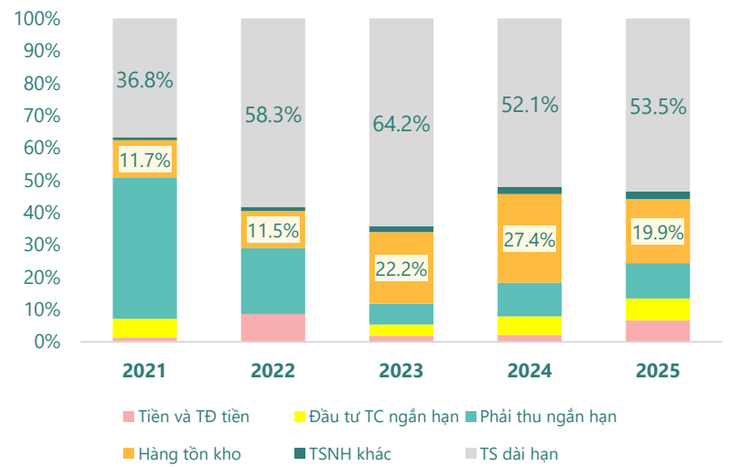
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



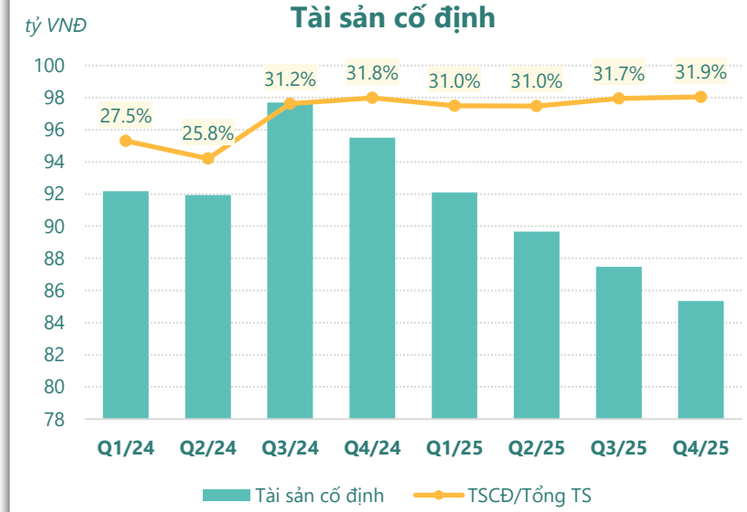
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



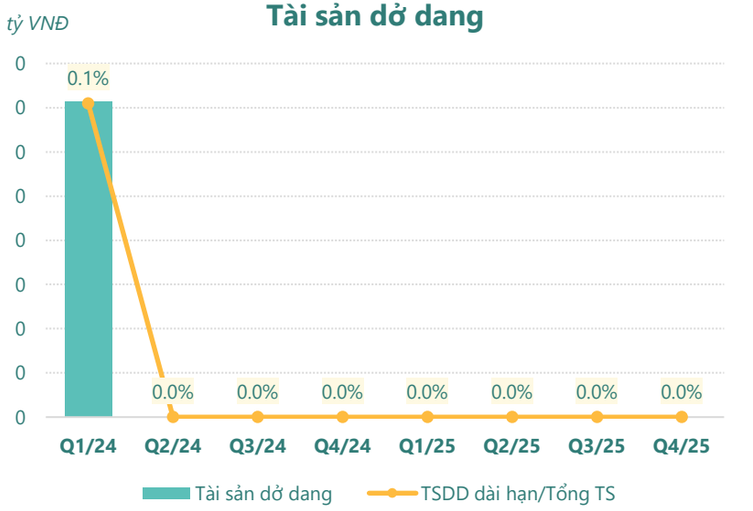
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



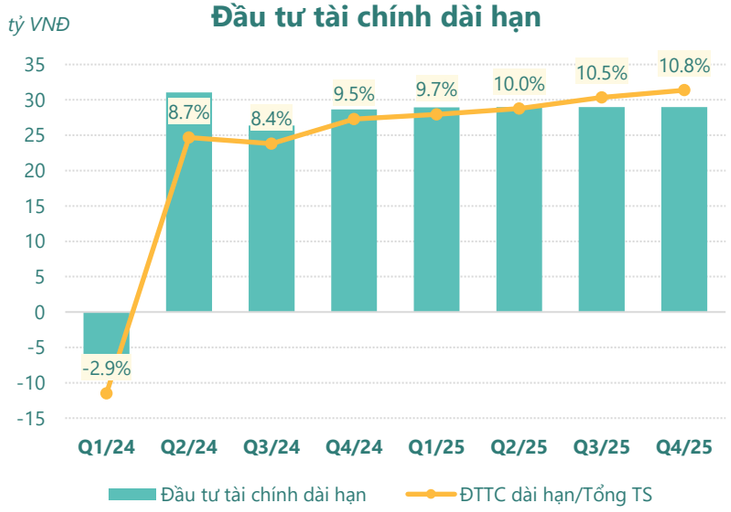
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



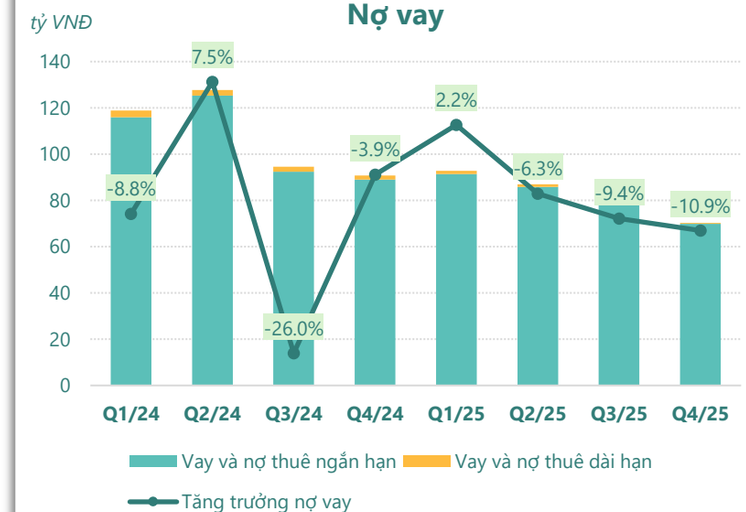
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

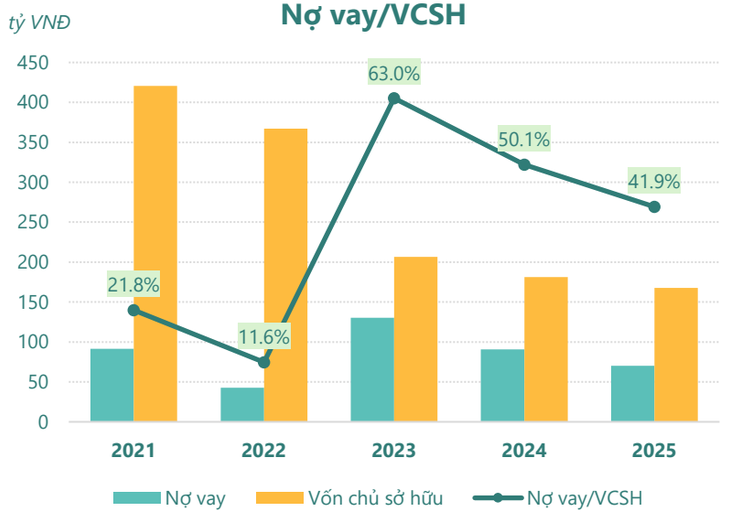
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

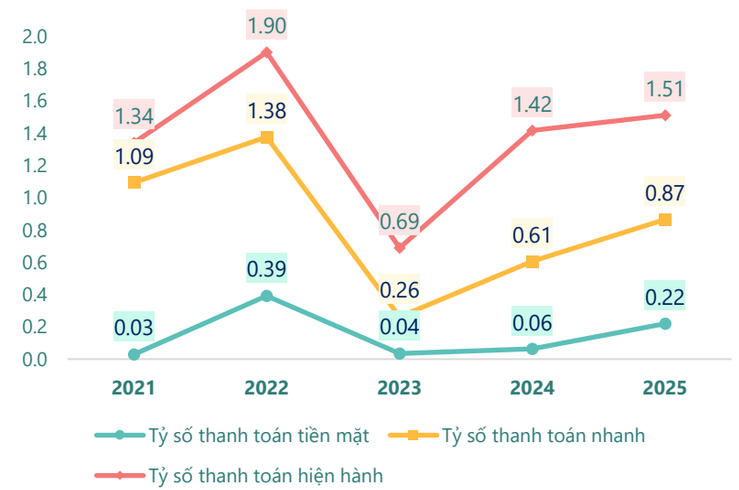
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



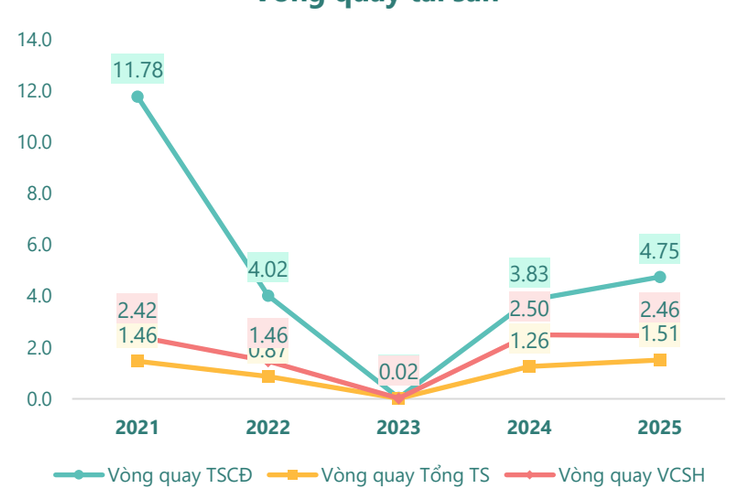
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



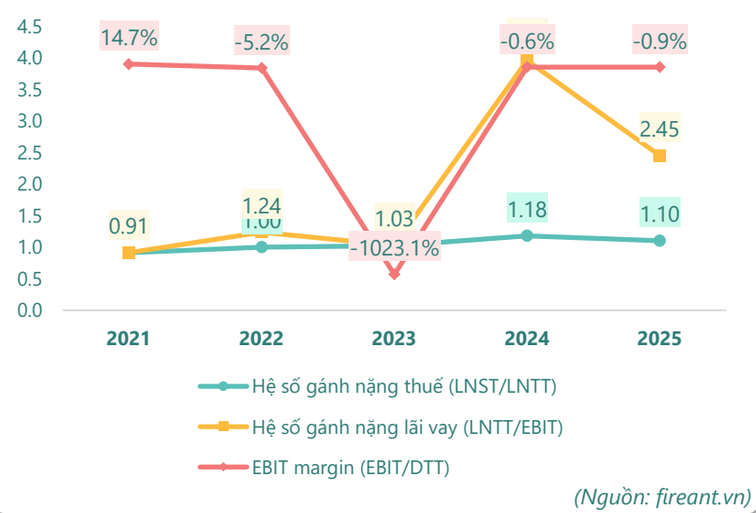
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



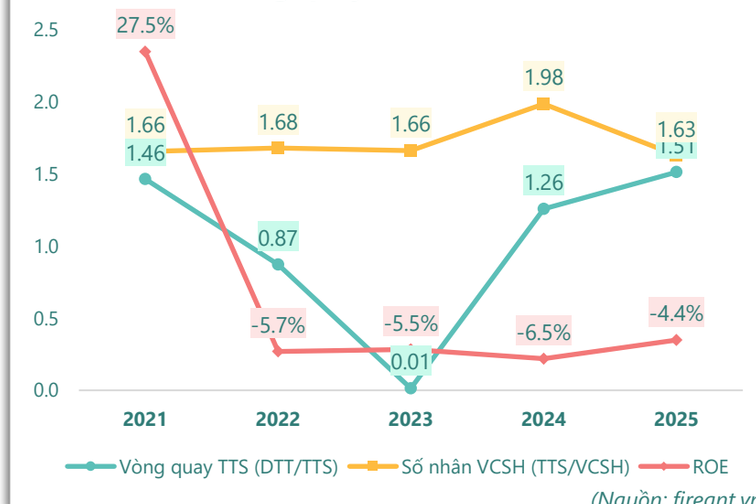
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



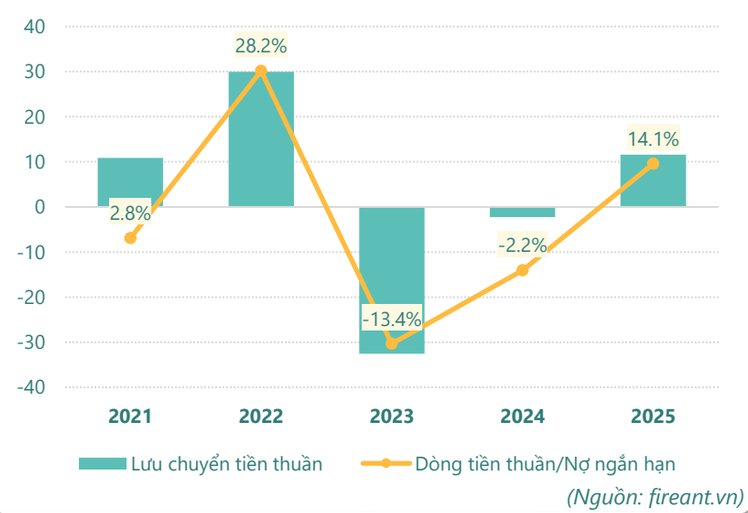
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**122**	**75.2**	**61.6%**	**429**	**484**	**-11.3%**
Giá vốn hàng bán	111	65.1	70.2%	392	438	-10.5%
Lợi nhuận gộp	10.8	10.1	6.4%	37.6	46.3	-18.9%
Doanh thu HĐTC	0.89	0.79	12.7%	2.08	1.13	84.0%
Chi phí TC	1.22	-0.99	223%	5.40	6.31	-14.4%
Chi phí lãi vay	1.22	1.50	-18.6%	5.40	8.80	-38.7%
LN trong công ty LKLD	**0.00**	**0.04**	**-103%**	**0.17**	**0.19**	**-12.5%**
Chi phí bán hàng	8.63	8.80	-1.9%	29.3	30.4	-3.5%
Chi phí QLDN	**4.18**	**5.72**	**-26.9%**	**16.7**	**23.3**	**-28.3%**
LN thuần từ HĐKD	-2.40	-2.65	9.5%	-11.6	-12.3	5.8%
Lợi nhuận khác	**0.17**	**0.32**	**-48.0%**	**2.49**	**0.55**	**355%**
LN trước thuế	-2.23	-2.33	4.2%	-9.11	-11.8	22.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.67**	**-2.81**	**4.9%**	**-10.1**	**-13.9**	**27.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.26**	**-1.27**	**-78.2%**	**-7.70**	**-12.6**	**38.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.0	-4.21	-217	224	-2.77	39.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.9	-1.42	2.02	-1.94	2.67	-15.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.52	-3.73	216	-220	-8.16	-8.56
Tiền đầu kỳ	4.25	15.8	6.42	8.10	10.4	2.15
Lưu chuyển tiền thuần	**11.5**	**-9.36**	**1.68**	**2.30**	**-8.25**	**15.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	15.8	6.42	8.10	10.4	2.15	18.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**268**	**301**	**-11.0%**
Tài sản ngắn hạn	124	144	-13.5%
Tiền và tương đương tiền	18.0	6.42	181%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.9	17.2	3.7%
Phải thu ngắn hạn	29.1	31.4	-7.3%
Hàng tồn kho	53.3	82.4	-35.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.20	6.54	-5.2%
Tài sản dài hạn	**143**	**157**	**-8.6%**
Phải thu dài hạn	1.20	1.26	-4.8%
Tài sản cố định	85.3	95.5	-10.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.0	28.6	1.2%
Tài sản dài hạn khác	**11.3**	**11.7**	**-2.9%**
Lợi thế thương mại	16.2	19.5	-16.7%
Nợ phải trả	99.9	119	-16.4%
Nợ ngắn hạn	**82.3**	**102**	**-19.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.9	89.0	-21.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.13	5.26	16.5%
Nợ dài hạn	17.6	17.8	-1.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.35	1.75	-80.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**168**	**181**	**-7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**168**	**181**	**-7.4%**
Vốn điều lệ	273	273	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)